

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN THÁC BÀ**
Số: 1542/TĐTB-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Lào Cai, ngày 28 tháng 07 năm 2025.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà**
- Mã chứng khoán: **TBC**
- Địa chỉ: **Thôn 1, Xã Thác Bà, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.**
- Điện thoại liên hệ: **0216.3884 116 - Fax: 0216.3884 167**
- E-mail: **thacbahpc@thacba.vn**

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 2 năm 2025 đính kèm giải trình.
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2025 đính kèm giải trình.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28./07/2025 tại đường dẫn <http://thacba.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng P5;
- Lưu: VT, TK.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Quyền

**Công Ty Cổ
Phần Thủy
Điện Thác Bà**

Digitally signed by Công Ty Cổ Phần
Thủy Điện Thác Bà
DN:
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST
:5200240495, CN=Công Ty Cổ Phần
Thủy Điện Thác Bà, S=Yên Bái, C=VN
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2025-07-28 08:43:52
Foxit Reader Version: 10.0.1

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 2 năm 2025 đính kèm giải trình.
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2025 đính kèm giải trình.

PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

To: Ho Chi Minh City Stock Exchange.

1. Organization name: **Thac Ba Hydropower Joint Stock Company**
- Stock code: TBC
- Address: Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
- Contact phone: 0216.3884 116 - Fax: 0216.3884 167
- E-mail: *thacbahpc@thacba.vn*
2. Content of published information:
- Separate Financial statements for the Second quarter of 2025.
 - Consolidated financial statements for the Second quarter of 2025.
3. This information was announced on the company's website on July 28., 2025 at the link <http://thacba.vn>

We hereby commit that the information published above is true and take full responsibility before the law for the content of the published information./.

-Receiving place:

-As above;

-Department P5;

-Save: VT, TK.

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY
LEGAL REPRESENTATIVE
GENERAL DIRECTOR



Nguyen Van Quyen

Attached documents:

- Separate Financial statements for the Second quarter of 2025.
- Consolidated financial statements for the Second quarter of 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Số ~~14~~ 41/BC - TĐTB - P5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 - NĂM 2025



Lào Cai, ngày 28 tháng 07 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		216.402.246.355	235.477.045.312
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	65.048.499.082	94.333.448.278
111	1. Tiền		23.348.499.082	21.783.448.278
112	2. Các khoản tương đương tiền		41.700.000.000	72.550.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	13.694.543.500	21.994.543.500
121	1. Chứng khoán kinh doanh		13.694.543.500	13.694.543.500
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	8.300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		123.192.606.946	110.056.183.822
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		109.177.179.970	101.411.938.598
132	2. Trả trước cho người bán		9.210.370.648	7.225.361.261
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		3.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	5	4.320.508.502	4.537.073.523
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.515.452.174)	(3.118.189.560)
140	IV. Hàng tồn kho	6	8.813.234.186	5.340.478.768
141	1. Hàng tồn kho		8.813.234.186	5.340.478.768
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.653.362.641	3.752.390.944
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.362.944.038	229.429.205
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.634.771.314	3.459.481.174
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	655.647.289	63.480.565
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.421.684.656.194	1.284.340.123.104
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		62.000.000.000	10.000.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		62.000.000.000	10.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		917.428.515.917	833.697.956.723
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	902.155.957.460	818.042.376.668
222	- Nguyên giá		2.727.016.669.656	2.608.043.190.980
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.824.860.712.196)	(1.790.000.814.312)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	15.272.558.457	15.655.580.055
228	- Nguyên giá		23.192.381.858	23.192.381.858
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.919.823.401)	(7.536.801.803)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		201.086.190.280	197.737.934.308
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	201.086.190.280	197.737.934.308
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		165.565.612.287	160.405.700.690
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		105.055.312.287	99.895.400.690
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		60.510.300.000	60.510.300.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		75.604.337.710	82.498.531.383
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.666.274.653	2.322.888.320
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		929.839.800	974.163.276
269	2. Lợi thế thương mại		71.008.223.257	79.201.479.787
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.638.086.902.549	1.519.817.168.416

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		207.962.202.790	154.979.014.918
310	I. Nợ ngắn hạn		150.467.058.839	141.801.357.392
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		44.375.750.895	27.013.867.172
312	2. Người mua trả tiền trước		170.979.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	28.828.430.956	7.468.808.443
314	4. Phải trả người lao động		5.551.998.471	7.463.170.454
315	5. Chi phí phải trả	12	10.906.555.525	1.323.090.443
318	6. Doanh thu chưa thực hiện		2.617.049.498	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	13	33.824.605.090	52.852.813.815
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	22.500.000.000	45.420.833.333
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.691.689.404	258.773.732
330	II. Nợ dài hạn		57.495.143.951	13.177.657.526
336	2. Doanh thu chưa thực hiện		4.995.143.951	3.498.490.859
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	52.500.000.000	9.679.166.667
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.430.124.699.759	1.364.838.153.498
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	1.430.124.699.759	1.364.838.153.498
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		302.057.614.951	302.057.614.951
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		192.044.509.608	139.007.922.509
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		131.332.101.710	56.230.378.364
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		60.712.407.898	82.777.544.145
429	12. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		301.022.575.200	288.772.616.038
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.638.086.902.549	1.519.817.168.416

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2025

Người lập



Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng



Lê Hồng Minh



Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2 năm 2025	Quý 2 năm 2024	Lũy kế đến 30/06/2025	Lũy kế đến 30/06/2024
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	155.049.342.812	98.767.858.697	256.717.546.036	209.594.046.245
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		155.049.342.812	98.767.858.697	256.717.546.036	209.594.046.245
11	4. Giá vốn hàng bán	17	53.575.027.243	54.791.167.849	94.058.560.336	93.362.699.260
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		101.474.315.569	43.976.690.848	162.658.985.700	116.231.346.985
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	1.776.197.080	4.150.135.145	3.057.485.814	6.865.037.259
22	7. Chi phí tài chính	19	2.685.023.410	1.434.277.871	3.247.917.401	3.122.908.009
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		338.227.397	1.418.219.178	899.868.493	3.106.849.316
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		6.087.105.968	(122.118.188)	5.159.911.597	(416.882.735)
25	9. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		13.059.749.741	13.464.463.546	26.677.802.019	27.498.157.899
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		93.592.845.466	33.105.966.388	140.950.663.691	92.058.435.601
31	12. Thu nhập khác	20	1.832.796.593	149.927.400	1.964.048.193	291.259.000
32	13 Chi phí khác	21	120.048.772	120.003.903	735.054.256	235.005.620
40	14 Lợi nhuận khác		1.712.747.821	29.923.497	1.228.993.937	56.253.380

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2 năm 2025	Quý 2 năm 2024	Lũy kế đến 30/06/2025	Lũy kế đến 30/06/2024
			VND	VND	VND	VND
50	15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		95.305.593.287	33.135.889.885	142.179.657.628	92.114.688.981
51	16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		13.255.203.866	2.906.029.536	20.102.603.891	11.589.693.153
52	17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		22.161.738	22.161.738	44.323.476	45.276.669
60	18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>82.028.227.683</u>	<u>30.207.698.611</u>	<u>122.032.730.261</u>	<u>80.479.719.159</u>
	19 Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ		60.712.407.898	14.764.706.594	89.615.821.909	53.925.674.503
	20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		21.315.819.785	15.442.992.017	32.416.908.352	26.554.044.656
70	21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		956	233	1.411	849
71	22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu		956	233	1.411	849

Người lập



Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng



Lê Hồng Minh

Lào Cai, Ngày 28 tháng 07 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2025	30/06/2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		142.179.657.628	92.114.688.981
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		43.422.187.684	41.943.586.270
03	- Các khoản dự phòng		(602.737.386)	154.182.043
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.092.534.244)	(3.138.904.876)
06	- Chi phí lãi vay		899.868.493	3.106.849.316
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		183.806.442.175	134.180.401.734
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.029.462.538	(4.430.024.351)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.472.755.418)	(4.263.754.135)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		39.103.451.097	7.018.560.538
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.957.949.809)	560.540.387
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.197.706.683)	(3.423.287.492)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.663.198.220)	(10.377.641.704)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.167.084.328)	(2.733.620.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		208.480.661.352	116.531.174.977
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(124.826.697.677)	(21.442.053.490)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(12.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		(51.859.911.597)	15.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(19.208.490.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	6.964.156.500
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		(7.458.836.086)	4.207.186.826
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(184.145.445.360)	(26.479.200.164)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		49.900.000.000	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*Quý 2 năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2025	30/06/2024
			VND	VND
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(73.520.165.188)	(72.960.537.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(53.620.165.188)	(102.960.537.400)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(29.284.949.196)	(12.908.562.587)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		94.333.448.278	128.305.931.825
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		<u>65.048.499.082</u>	<u>115.397.369.238</u>


Nguyễn Trung Hiếu
Người lập

Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng

Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Lào Cai, Ngày 28 tháng 07 năm 2025



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 01 tháng 06 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 635.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 635.000.000.000 đồng; tương đương 63,500,000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là năng lượng điện

1.3 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

1.4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

1.5 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm dịch vụ kỹ thuật và Công ty sở hữu trực tiếp một công ty con, một công ty liên kết với thông tin cụ thể như sau:

- * Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà - Trung Tâm dịch vụ kỹ thuật
Địa chỉ: Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- * Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum (Công ty con)
Địa chỉ: Thôn Bản Xèo, xã Bản Xèo, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- * Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 (Công ty liên kết)
Địa chỉ: Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

1.6 . Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30/06/2025 Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm dịch vụ kỹ thuật và Công ty có một công ty con và một công ty liên kết với thông tin Chi tiết như sau:

- Công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở	Hoạt động chính trong năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	50,94%	50,94%	Thôn Bản Xèo, xã Bản Xèo, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng

- Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2025

Tên công ty	Cam kết góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở	Hoạt động chính trong năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	49%	49%	Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

2.3 . Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính của Công ty (được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và chi nhánh) và công ty con cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường nhóm công ty được coi là ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% đến dưới 50% quyền bỏ phiếu ở công ty nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhóm công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của nhóm công ty trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với nhóm công ty trong trường hợp cần thiết.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

2.9 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Nhóm Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.10 . Chi phí trả trước

2002
CÔNG
CỔ
THỦ
THA
ACE

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau:

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:
 - Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
 - Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.12 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các hợp đồng mua bán điện được Công ty và Công ty con ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

2.13 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông

2.14 . Các khoản thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2025

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

2.15 . Thông tin theo bộ phận

Do đặc thù của Nhóm Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 98% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

3 . HỢP NHẤT KINH DOANH

Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300526931 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 17 tháng 6 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 28 tháng 09 năm 2020. Công ty này có trụ sở chính tại thôn Bản Xèo, xã Bản Xèo, tỉnh Lào Cai, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm của công ty này là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty mua Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum với mục đích phát triển mảng sản xuất và kinh doanh điện năng của Công ty.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	249.997.751	164.676.674
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.098.501.331	21.618.771.604
Các khoản tương đương tiền (*)	41.700.000.000	72.550.000.000
	65.048.499.082	94.333.448.278

(*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND đến ngày 30/06/2025 tại ngân hàng có kỳ hạn dưới 1 tháng đến dưới 3 tháng và hưởng lãi suất là 0,5%/năm đến 4,3%/năm.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

a	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30/06/2025	01/01/2025
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	Ngắn hạn		Giá gốc
		Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	- Tiền gửi có kỳ hạn (**)	-	8.300.000.000
	- Các khoản đầu tư khác	-	-
		-	8.300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2025

b	Chứng khoán kinh doanh	30/06/2025		01/01/2025	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	Cổ phiếu Công ty Cổ phần				
	- Nhiệt điện Hải Phòng	13.694.543.500	14.862.100.000	13.694.543.500	16.247.550.000

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh này tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 được xác định bằng thị giá của cổ phiếu vào thời điểm đóng cửa phiên giao dịch chứng khoán tại ngày cuối có giao dịch trong tháng 06 năm 2025, với giá trị là 11.800 VND/cổ phiếu.

c	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30/06/2025		01/01/2025	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	Công ty Cổ phần Thủy điện				
	- Thái An (***)	48.550.000.000	-	48.550.000.000	-
	Công ty Cổ phần Nhiệt điện				
	- Hải Phòng (****)	11.960.300.000	12.980.000.000	11.960.300.000	14.190.000.000
		60.510.300.000	12.980.000.000	60.510.300.000	14.190.000.000

(***) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán

(****) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty nắm giữ 1.100.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch đóng cửa vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 06 năm 2025 là 11.800 VND/cổ phiếu (tháng 12 năm 2024: 12.900 VND/cổ phiếu).

d Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị tính: VNĐ

Công ty Cổ phần đầu tư Thủy điện Thác Bà 2

Giá trị đầu tư	
Số 01/01/2025	103.861.380.000
- Tăng trong năm	-
Lũy kế đến 30/06/2025	103.861.380.000
Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết	
Số 01/01/2025	(3.965.979.310)
- Phần lãi từ công ty liên kết	5.159.911.597
Lũy kế đến 30/06/2025	1.193.932.287
Giá trị còn lại	
Số 01/01/2025	99.895.400.690
Lũy kế đến 30/06/2025	105.055.312.287

5 PHẢI THU KHÁC

a	Ngắn hạn	30/06/2025		01/01/2025	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	707.850.000	-
	Phải thu về lãi tiền gửi	72.603.836	-	216.372.820	-
	Phải thu người lao động	118.845.893	-	153.732.413	-
	Ký quỹ, ký cược	-	-	510.000.000	-
	Phải thu khác	4.129.058.773	-	2.949.118.290	-
		<u>4.320.508.502</u>		<u>4.537.073.523</u>	
		-	-	-	-
b	Dài hạn	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2025

6 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.623.733.063		4.693.646.390	
Công cụ, dụng cụ	484.558.354		446.507.608	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.704.942.769		200.324.770	
	8.813.234.186		5.340.478.768	

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	655.647.289	63.480.565
Thuế Giá trị gia tăng	-	-
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	655.647.289	63.480.565

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

4048
 GTY
 HÂN
 DIỆ
 C BÀ
 T.L.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Tel: (84-0216) 3 884 116

Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2025

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2025	1.354.144.566.166	1.208.127.047.961	34.508.424.663	10.312.598.690	950.553.500	2.608.043.190.980
Mua sắm	162.838.884	2.558.716.763	3.725.100.000	45.172.727	-	6.491.828.374
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	112.481.650.302	-	-	-	112.481.650.302
Tặng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2025	1.354.307.405.050	1.323.167.415.026	38.233.524.663	10.357.771.417	950.553.500	2.727.016.669.656
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2025	700.479.690.764	1.060.730.382.109	21.117.822.819	6.727.939.821	944.978.799	1.790.000.814.312
Trích khấu hao	20.300.064.728	13.079.342.718	1.124.745.267	339.145.907	2.610.936	34.845.909.556
Tặng khác	13.988.328	-	-	-	-	13.988.328
Tặng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2025	720.793.743.820	1.073.809.724.827	22.242.568.086	7.067.085.728	947.589.735	1.824.860.712.196
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	653.664.875.402	147.396.665.852	13.390.601.844	3.584.658.869	5.574.701	818.042.376.668
Tại ngày 30/06/2025	633.513.661.230	249.357.690.199	15.990.956.577	3.290.685.689	2.963.765	902.155.957.460

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2025

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2025	20.558.322.400	2.634.059.458	23.192.381.858
Mua sắm	-	-	-
Tăng do mua công ty con	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 30/06/2025	20.558.322.400	2.634.059.458	23.192.381.858
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2025	5.982.954.190	1.553.847.613	7.536.801.803
Trích khấu hao	205.576.608	177.444.990	383.021.598
Tăng do mua công ty con	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 30/06/2025	6.188.530.798	1.731.292.603	7.919.823.401
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	14.575.368.210	1.080.211.845	15.655.580.055
Tại ngày 30/06/2025	14.369.791.602	902.766.855	15.272.558.457

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dự án nâng cấp thiết bị tổ máy - NMTĐ Thác Bà	97.906.138.812	100.942.336.738
Dự án nâng cấp thiết bị điện - NMTĐ Thác Bà	240.741.741	240.741.741
Dự án thay mới hệ thống rơ le bảo vệ đường dây 110 kV-NMTĐTB	98.000.000	98.000.000
Dự án thay mới máy nén khí cao áp N1, N2 - NMTĐTB	-	2.691.000.000
Dự án Xử lý sạt lở hạ lưu	3.243.140.152	-
Máy móc thiết bị chưa lắp đặt, chạy thử (thuộc dự án nâng cấp thiết bị tổ máy - NMTĐ Thác Bà)	97.168.905.880	91.863.810.287
Mường hum mở rộng	1.847.050.542	1.847.050.542
Khác	582.213.153	54.995.000
	201.086.190.280	197.737.934.308

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp	Số đã thực nộp	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia	593.630.553	9.205.077.120	6.368.895.643	3.429.812.030
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.872.247.245	20.102.603.891	5.663.198.220	18.311.652.916
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	415.860.769	6.091.084.731	6.506.945.500	-
Thuế Tài nguyên	1.909.372.157	27.970.943.591	22.929.595.296	6.950.720.452
Thuế Thu nhập cá nhân	677.697.719	1.087.942.237	1.765.639.956	-
Các loại thuế khác	-	1.249.274.161	1.113.028.603	136.245.558
	7.468.808.443	65.706.925.731	44.347.303.218	28.828.430.956

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2025

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

a	Ngắn hạn	30/06/2025	01/01/2025
		VND	VND
	Chi phí lãi vay	386.018.920	683.857.110
	Chi phí phải trả khác	10.520.536.605	639.233.333
		10.906.555.525	1.323.090.443

c Lợi thế thương mại

Đơn vị tính: VNĐ

Công Ty Cổ Phần Thủy điện Mường Hum**Nguyên giá:**

Tại ngày 01/01/2025 163.865.130.597

- Tăng trong năm -

Lũy kế đến 30/06/2025 163.865.130.597

Phân bổ lũy kế:

Tại ngày 01/01/2025 84.663.650.810

- Phân bổ trong kỳ 8.193.256.530

Lũy kế đến 30/06/2025 92.856.907.340

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2025 79.201.479.787

Lũy kế đến 30/06/2025 71.008.223.257

13 . PHẢI TRẢ KHÁC

a	Ngắn hạn	30/06/2025	01/01/2025
		VND	VND
	Kinh phí công đoàn, BHYT, BHTN, BHXH	-	-
	Phải trả cổ tức cho cổ đông	25.873.385.574	47.669.670.649
	Phí dịch vụ Môi Trường Rừng	5.935.058.424	4.726.927.332
	Phải trả, phải nộp khác	2.016.161.092	456.215.834
		33.824.605.090	52.852.813.815

14 VAY

	Ngày 01/01/2025	Số phát sinh trong kỳ		30/06/2025
		Tăng	Giảm	Giá trị
	Giá trị			
Vay ngắn hạn	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	45.420.833.333	7.079.166.667	30.000.000.000	22.500.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	9.679.166.667	49.900.000.000	7.079.166.667	52.500.000.000
Ngân hàng	30/06/2025	Kỳ hạn trả gốc lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Shinhanbank				
SHBVN/CM C/212022/HD TD/MHP	15.000.000.000	Gốc và lãi vay trả hàng quý, khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 10 tháng 08 năm 2025	6,38%	Công trình nhà máy TĐMH và 1 số tài sản khác
SHBVN/CM C/032023/HD TD/THACBA-MAC	60.000.000.000	Gốc và lãi vay trả hàng quý, khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 06 tháng 09 năm 2031	6,18%	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án
Tổng	75.000.000.000			

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2025

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2025	635.000.000.000	-	302.057.614.951	288.772.616.038	139.007.922.509	1.364.838.153.498
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	32.416.908.352	89.615.821.909	122.032.730.261
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Tăng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	(220.765.190)	(4.829.234.810)	(5.050.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(19.946.184.000)	(31.750.000.000)	(51.696.184.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác (*)	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2025	635.000.000.000,00	-	302.057.614.951,00	301.022.575.200	192.044.509.608	1.430.124.699.759

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất**Quý 2 năm 2025****b) Các quỹ công ty**

	30/06/2025	01/01/2025
Quỹ đầu tư phát triển	302.057.614.951	302.057.614.951
	302.057.614.951	302.057.614.951

16 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 2 năm 2025	Lũy kế đến 30/06/2025
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	152.801.884.851	252.330.465.453
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.247.457.961	4.387.080.583
	155.049.342.812	256.717.546.036

17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 2 năm 2025	Lũy kế đến 30/06/2025
	VND	VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	52.218.967.554	92.188.927.793
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.356.059.689	1.869.632.543
	53.575.027.243	94.058.560.336

18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 2 năm 2025	Lũy kế đến 30/06/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	1.221.876.207	2.092.534.224
Doanh thu hoạt động tài chính khác	554.320.873	964.951.590
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
	1.776.197.080	3.057.485.814

19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 2 năm 2025	Lũy kế đến 30/06/2025
	VND	VND
Lãi tiền vay	338.227.397	899.868.493
Chi phí tài chính khác	2.346.796.013	2.348.048.908
	2.685.023.410	3.247.917.401

20 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý 2 năm 2025	Lũy kế đến 30/06/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	737.327.805	1.159.828.462
Chi phí nhân công	11.258.148.873	24.019.193.464
Chi phí khấu hao	18.121.975.165	43.422.187.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.351.126.824	6.254.953.580
Chi phí khác	35.670.816.316	47.384.817.164
	68.139.394.983	122.240.980.354

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2025

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 2 năm 2025	Lũy kế đến 30/06/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	487.175.510	749.070.198
Chi phí nhân công	4.150.260.170	8.308.122.590
Chi phí khấu hao tài sản cố định	460.610.874	858.326.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.406.644.789	3.028.490.861
Chi phí khác bằng tiền	6.555.058.398	13.733.791.845
	13.059.749.741	26.677.802.019

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý 2 năm 2025	Lũy kế đến 30/06/2025
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.255.203.866	20.102.603.891
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại (i)	22.161.738	44.323.476
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	13.277.365.604	20.146.927.367

(i) Thuế thu nhập hoãn lại: Công ty đã ghi nhận tài sản thuế hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả HĐKD	
	30/06/2025	01/01/2025	30/06/2025	30/06/2024
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	929.839.800	974.163.276	44.323.476	45.276.669

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ ĐU' VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Quý 2 năm 2025	Quý 2 năm 2024
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Doanh thu bán điện	Công ty mẹ của cổ đông lớn	85.949.357.431	29.308.104.469
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Cổ tức công bố Cổ tức đã thanh toán	Công ty mẹ	39.128.688.000 29.155.636.000	38.365.168.000 9.474.399.400
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ tức công bố Cổ tức đã thanh toán	Cổ đông lớn	9.525.000.000 9.525.000.000	19.050.000.000 -
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Doanh thu cung cấp dịch vụ Doanh thu khác Cho vay Doanh thu tài chính	Công ty liên kết	1.428.560.727 1.335.504.156 35.000.000.000 1.303.761.973	13.553.900.185 60.000.000 - -
Công ty Cổ phần Phát triển điện Đồng Dương	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Công ty trong cùng tập đoàn	625.354.707	427.694.027

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2025

Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc	Doanh thu bán điện	Cùng công ty mẹ với cổ đông lớn	66.852.527.420	53.661.871.088
--------------------------------------	-----------------------	---------------------------------------	----------------	----------------

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý:

	Mối quan hệ	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		108.221.181.410	82.920.605.027
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	64.753.307.045	66.080.163.702
Công ty Cổ phần phát triển điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn	495.383.083	-
Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc	Cùng công ty mẹ với cổ đông lớn	33.137.014.473	16.840.441.325
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	9.835.476.809	15.479.964.779
Phải trả ngắn hạn khác		25.680.608.900	44.415.140.900
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	25.680.608.900	34.890.140.900
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	-	9.525.000.000
Người mua trả tiền trước			
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thủy Điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	-	283.090.950
Phải thu ngắn hạn khác			
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thủy Điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	1.885.257.116	380.997.639
Phải thu về cho vay		65.000.000.000	10.000.000.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thủy Điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	65.000.000.000	10.000.000.000
Trong đó:			
- Cho vay ngắn hạn		3.000.000.000	-
- Cho vay dài hạn		62.000.000.000	-

25 . THÔNG TIN KHÁC

Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế Quý 2/2025 với Quý 2/2024 tại BCTC hợp nhất
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 2/2025 đạt 82.028.227.683 đồng
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 2/2024 đạt 30.207.698.611 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2025

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 2/2025 so với Quý 2/2024 của Báo cáo tài chính hợp nhất tăng 51.820.529.072 đồng (tăng 172%) là do các nguyên nhân sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 2/2025 so với Quý 2/2024 trên BCTC riêng công ty tăng 50.432.569.243 đồng (tăng 422%) là do các nguyên nhân sau:

- Tổng doanh thu Quý 2/2025 so với cùng kỳ năm 2024 tăng 40.174.453.667 đồng (tăng 55%) đồng là do:

(i) Doanh thu hoạt động điện tăng 56.641.252.962 đồng (tăng 193%) so với cùng kỳ năm 2024. Nguyên nhân do Sản lượng điện Thương phẩm Quý 2/2025 (118,8 triệu kWh) tăng 45,8 triệu kWh so với Quý 2/2024 (73 triệu kWh) và giá bán điện bình quân Quý 2/2025 (724 đồng/kWh) tăng 322 đồng/kWh so với Quý 2/2024 (402 đồng/kWh).

(ii) Doanh thu hoạt động dịch vụ kỹ thuật giảm 25.683.102.329 đồng (giảm 89%) so với cùng kỳ năm 2024 là do giá trị các hợp đồng dịch vụ kỹ thuật được nghiệm thu trong Quý 2/2025 nhỏ hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2024.

(iii) Doanh thu Hoạt động tài chính tăng 7.885.778.878 đồng (tăng 52%) so với cùng kỳ năm 2024. Tăng chủ yếu do trong Quý 2/2025 phát sinh doanh thu từ cổ tức là 20,7 tỷ đồng (Cổ tức MHP với tỷ lệ 8% VDL) nhiều hơn 10,9 tỷ đồng so với cùng kỳ Quý 2/2024 phát sinh doanh thu từ cổ tức là 9,83 tỷ đồng (cổ tức MHP với tỷ lệ 3,85% VDL). Lãi tiền gửi và cho vay trong Quý 2/2025 (1,8 tỷ) là giảm 232 triệu đồng so với cùng kỳ Quý 2/2024 (2,1 tỷ) do số dư nợ gốc cho vay giảm và số dư tiền gửi giảm. Doanh thu từ Phí bảo lãnh TBC2 trong Quý 2/2025 (554 triệu đồng) là tăng 230 triệu đồng so với cùng kỳ Quý 2/2024 (324 triệu đồng). Quý 2/2025 không phát sinh doanh thu từ chuyển nhượng cổ phần HND, Quý 2/2024 phát sinh 2,98 tỷ doanh thu từ chuyển nhượng cổ phần HND.

(iv) Doanh thu khác Quý 2/2025 tăng 1.330.524.156 đồng (tăng 683%) so với cùng kỳ năm 2024 chủ yếu do Quý 2/2025 phát sinh 1,28 tỷ bồi thường theo hợp đồng so với cùng kỳ Quý 2/2024.

- Tổng chi phí Quý 2/2025 so với cùng kỳ năm 2024 giảm 19.885.999.210 đồng (giảm 33%) so với cùng kỳ năm 2024 chủ yếu do giá vốn các hoạt động dịch vụ Quý 2/2025 giảm 22,2 tỷ đồng so với cùng kỳ Quý 2/2024 do các hợp đồng dịch vụ nghiệm thu trong Quý 2/2025 ít hơn nhiều so với cùng kỳ Quý 2/2024. Chi phí Thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng Quý 2/2025 tăng so với cùng kỳ năm 2024 (do sản lượng Quý 2/2025 tăng 45,8 triệu kWh so với cùng kỳ năm 2024).

- Thuế TNDN Quý 2/2025 so với cùng kỳ năm 2024 tăng 9.627.883.634 đồng so với cùng kỳ năm 2024. Chính sách thuế TNDN áp dụng cho công ty trong Quý 2/2025 không thay đổi so với cùng kỳ năm trước. Thuế TNDN trong Quý 2/2025 tăng là do thu nhập tính thuế TNDN theo quy định trong Quý 2/2025 tăng so cùng kỳ năm 2024.

2. Lợi nhuận sau thuế Quý 2/2025 so với cùng kỳ năm 2024 của Báo cáo tài chính hợp nhất ảnh hưởng bởi doanh thu, chi phí, Thuế TNDN, Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 2/2025 của Công ty con vào Nhóm công ty, như sau:

- Tổng doanh thu Quý 2/2025 của Công ty con so với cùng kỳ năm 2024 tăng 13,6 tỷ đồng (tăng 25,5%) .

Nguyên nhân là do Quý 2/2025, tình hình thủy văn thuận lợi so với Quý 2/2024. Theo đó, doanh thu điện Quý 2/2025 tăng 13,1 tỷ đồng (tăng 25%) so với cùng kỳ năm 2024. Doanh thu tài chính tăng 150 triệu đồng do vốn lưu động bình quân tháng trong Quý 2/2025 cao hơn cùng kỳ năm 2024 dẫn đến lãi tiền gửi có kỳ hạn Quý 2/2025 tăng so với cùng kỳ năm 2024.

- Tổng chi phí Quý 2/2025 của Công ty con so với cùng kỳ năm 2024 tăng 1 tỷ đồng (tăng 4,9%) so với cùng kỳ năm 2024 do tăng sản lượng điện dẫn đến tăng thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng.

- Thuế TNDN Quý 2/2025 so với cùng kỳ năm 2024 tăng 721,2 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2024. Thuế TNDN trong Quý 2/2025 tăng là do Lợi nhuận trước thuế TNDN tăng so với cùng kỳ Quý 2/2024.

- Lợi nhuận sau thuế Quý 2/2025 so với cùng kỳ năm 2024 tăng 11,9 tỷ đồng (tăng 38%) do biến động các chi tiêu doanh thu, chi phí, thuế TNDN đã giải trình bên trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 2 năm 2025



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Lào Cai, Ngày 28 tháng 07 năm 2025

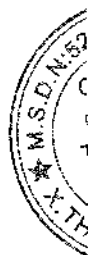


THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

No: 1541/BC - TĐTB - P5

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS QUARTER 2 OF 2025

Lao Cai, 28 July 2025



STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 30 June 2025

Code	ASSETS	Note	30 June 2025	01 January 2025
			VND	VND
100	A. SHORT-TERM ASSETS		216.402.246.355	235.477.045.312
110	I. Cash and cash equivalents	4	65.048.499.082	94.333.448.278
111	1. Cash		23.348.499.082	21.783.448.278
112	2. Cash equivalents		41.700.000.000	72.550.000.000
120	II. Short-term investments	5	13.694.543.500	21.994.543.500
121	1. Trading securities		13.694.543.500	13.694.543.500
123	1. Short-term investments		-	8.300.000.000
130	III. Short-term accounts receivable		123.192.606.946	110.056.183.822
131	1. Trade receivables		109.177.179.970	101.411.938.598
132	2. Advances to suppliers		9.210.370.648	7.225.361.261
135	3. Receivables short-term loans		3.000.000.000	-
136	4. Other receivables	5	4.320.508.502	4.537.073.523
139	5. Provisions for short-term bad debts		(2.515.452.174)	(3.118.189.560)
140	IV. Inventories	6	8.813.234.186	5.340.478.768
141	1. Inventories		8.813.234.186	5.340.478.768
150	V. Other current assets		5.653.362.641	3.752.390.944
151	1. Short-term prepaid expenses		3.362.944.038	229.429.205
152	2. VAT deductibles		1.634.771.314	3.459.481.174
153	3. Taxes and other receivables from the State	7	655.647.289	63.480.565
200	B. NON- CURRENT ASSETS		1.421.684.656.194	1.284.340.123.104
210	I. Long-term receivables		62.000.000.000	10.000.000.000
215	1. Long-term loan receivable		-62.000.000.000	10.000.000.000
220	II. Fixed assets		917.428.515.917	833.697.956.723
221	1. Fixed assets	8	902.155.957.460	818.042.376.668
222	- Cost		2.727.016.669.656	2.608.043.190.980
223	- Accumulated depreciation		(1.824.860.712.196)	(1.790.000.814.312)
227	2. Intangible fixed assets	9	15.272.558.457	15.655.580.055
228	- Cost		23.192.381.858	23.192.381.858
229	- Accumulated amortization		(7.919.823.401)	(7.536.801.803)
240	IV. Long-term-financial investments		201.086.190.280	197.737.934.308
242	1. Construction in progress	10	201.086.190.280	197.737.934.308
250	V. Long-term investments		165.565.612.287	160.405.700.690
252	1. Investments in joint-ventures, associates		105.055.312.287	99.895.400.690
253	2. Investments in Other Companies		60.510.300.000	60.510.300.000
260	VI. Other long-term assets		75.604.337.710	82.498.531.383
261	1. Long-term prepaid expenses		3.666.274.653	2.322.888.320
262	2. Deferred tax assets		929.839.800	974.163.276
269	2. Commercial advantage		71.008.223.257	79.201.479.787
270	TOTAL ASSETS		1.638.086.902.549	1.519.817.168.416

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Consolidate Financial statements

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam

Tel: (84-0216) 3 884 116

Fax: (84-0216) 3 884 167

Quarter 2 of 2025

STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 30 June 2025

(continue)

Cod e	RESOURCES	Note	30 June 2025 VND	01 January 2025 VND
300	A. LIABILITIES		207.962.202.790	154.979.014.918
310	I. Current liabilities		150.467.058.839	141.801.357.392
311	1. Trade payables		44.375.750.895	27.013.867.172
312	2. Advances from customers		170.979.000	-
313	3. Tax payables and statutory obligations	11	28.828.430.956	7.468.808.443
314	4. Payables to employees		5.551.998.471	7.463.170.454
315	5. Accrued expenses	12	10.906.555.525	1.323.090.443
318	6. Unrealized revenues		2.617.049.498	-
319	7. Other payables	13	33.824.605.090	52.852.813.815
320	8. Provision for short-term payables	14	22.500.000.000	45.420.833.333
322	9. Bonus and welfare fund		1.691.689.404	258.773.732
324	10. Transactions to buy and sell Government bonds			
330	II. Long-term liabilities		57.495.143.951	13.177.657.526
336	2. Unrealized revenues		4.995.143.951	3.498.490.859
338	3. Long-term loans and debts	14	52.500.000.000	9.679.166.667
400	B. OWNER'S EQUITY		1.430.124.699.759	1.364.838.153.498
410	I. Equity	15	1.430.124.699.759	1.364.838.153.498
411	1. Contributed legal capital		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Ordinary stock with voting right		635.000.000.000	635.000.000.000
411b	- Preferred stock capital		-	-
412	2. Share capital surplus		-	-
413	3. The Right to convert the Convertible Bonds to shares		-	-
414	4. Other equity's resources		-	-
415	5. Treasury stocks		-	-
416	6. Asset revaluation differences		-	-
417	7. Foreign exchange differences		-	-
418	8. Investment and development fund		302.057.614.951	302.057.614.951
419	9. Support business organizations fund		-	-
420	10. Other funds belonging to owners' equity		-	-
421	11. Undistributed earnings		192.044.509.608	139.007.922.509
421a	- Accumulated Undistributed Profit by The End of The Previous Period		131.332.101.710	56.230.378.364
421b	- Undistributed Profit of the Current Period		60.712.407.898	82.777.544.145
429	12. Non-controlling shareholder interests		301.022.575.200	288.772.616.038
440	TOTAL RESOURCES		1.638.086.902.549	1.519.817.168.416

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Consolidate Financial statements

Quarter 2 of 2025

Lao Cai, 28 July 2025

Preparer



Nguyen Trung Hieu

Chief Accountant



Le Hong Minh

General Director



Nguyen Van Quyen

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Consolidate Financial statements

Quarter 2 of 2025

STATEMENT OF COMPREHENSIVE INCOME

Quarter 2 of 2025

Co de	ITEM	Note	Quarter 2 of 2025	Quarter 2 of 2024	Accumulated until 30 June 2025	Accumulated until 30 June 2024
			VND	VND	VND	VND
01	1. Revenue from sale of goods and rendering of serv	16	155.049.342.812	98.767.858.697	256.717.546.036	209.594.046.245
02	2. Deductible items		-	-	-	-
10	3. Net revenue from sale of goods and rendering of services		155.049.342.812	98.767.858.697	256.717.546.036	209.594.046.245
11	4. Cost of goods sold	17	53.575.027.243	54.791.167.849	94.058.560.336	93.362.699.260
20	5. Gross profit from sale of goods and rendering of services		101.474.315.569	43.976.690.848	162.658.985.700	116.231.346.985
21	6. Revenue from financial activities	18	1.776.197.080	4.150.135.145	3.057.485.814	6.865.037.259
22	7. Financial expenses	19	2.685.023.410	1.434.277.871	3.247.917.401	3.122.908.009
23	In which: Interest expenses		338.227.397	1.418.219.178	899.868.493	3.106.849.316
24	8. Gains/losses in		6.087.105.968	(122.118.188)	5.159.911.597	(416.882.735)
25	9. Selling expenses		-			
26	10. General administrative expenses		13.059.749.741	13.464.463.546	26.677.802.019	27.498.157.899
30	11. Net profit from operating activities		93.592.845.466	33.105.966.388	140.950.663.691	92.058.435.601
31	12. Other income	20	1.832.796.593	149.927.400	1.964.048.193	291.259.000
32	13 Other expense	21	120.048.772	120.003.903	735.054.256	235.005.620
40	14 Other profit (loss)		1.712.747.821	29.923.497	1.228.993.937	56.253.380

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Consolidate Financial statements

Quarter 2 of 2025

STATEMENT OF COMPREHENSIVE INCOME

Quarter 2 of 2025

Co de	ITEM	Note	Quarter 2 of 2025	Quarter 2 of 2024	Accumulated until 30 June 2025	Accumulated until 30 June 2024
			VND	VND	VND	VND
50	15 Total profit before tax		95.305.593.287	33.135.889.885	142.179.657.628	92.114.688.981
51	16 Current business income tax expenses		13.255.203.866	2.906.029.536	20.102.603.891	11.589.693.153
52	17 Deferred business income tax expenses		22.161.738	22.161.738	44.323.476	45.276.669
60	18 Profit after tax		82.028.227.683	30.207.698.611	122.032.730.261	80.479.719.159
	19 Profit after tax of the parent company		60.712.407.898	14.764.706.594	89.615.821.909	53.925.674.503
	20 Profit after tax of non-controlling shareholders		21.315.819.785	15.442.992.017	32.416.908.352	26.554.044.656
70	21 Basic earnings per share (*)		956	233	1.411	849
71	22 Diluted earnings per share		956	233	1.411	849

Preparer



Nguyen Trung Hieu

Chief Accountant



Le Hong Minh

Lao Cai, 28 July 2025
General Director

Nguyen Van Quyen

STATEMENT OF CASH FLOWS*Quarter 2 of 2025
(Under indirect method)*

Co de	ITEM	Note	30 June 2025 VND	30 June 2024 VND
	I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
01	1. Profit before tax		142,179,657,628	92,114,688,981
	2. Adjustments for			
02	- Depreciation and amortisation		43,422,187,684	41,943,586,270
03	- Provisions		(602,737,386)	154,182,043
04	- Gains/losses from unrealized foreign exchange		-	-
05	- Gains/losses from investing activities		(2,092,534,244)	(3,138,904,876)
06	- Interest expenses		899,868,493	3,106,849,316
07	- Other account adjustments		-	-
08	3. Profit from operating activities before changes in working capital		183,806,442,175	134,180,401,734
09	- Increase/Decrease in receivables		1,029,462,538	(4,430,024,351)
10	- Increase/Decrease in inventory		(3,472,755,418)	(4,263,754,135)
11	- Increase/Decrease in payables (excluding interest payables, enterprise income tax payables)		39,103,451,097	7,018,560,538
12	- Increase/Decrease in prepaid expenses		(1,957,949,809)	560,540,387
13	- Increase and decrease in trading securities		-	-
14	- Interest expenses paid		(1,197,706,683)	(3,423,287,492)
15	- Corporate income tax paid		(5,663,198,220)	(10,377,641,704)
16	- Other receipts from operating activities		-	-
17	- Other expenses on operating activities		(3,167,084,328)	(2,733,620,000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		208,480,661,352	116,531,174,977
	II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
21	1. Purchase of fixed assets and other long-term assets		(124,826,697,677)	(21,442,053,490)
22	2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets		-	-
23	3. Loans to other entities and purchase of debt instruments of other entities		-	(12,000,000,000)
24	4. Repayment from borrowers and proceeds from		(51,859,911,597)	15,000,000,000
25	5. Investments in other entities		-	(19,208,490,000)
26	6. Investment returns from other entities		-	6,964,156,500
27	7. Interest, dividends and profit received		(7,458,836,086)	4,207,186,826
30	Net cash flows from investing activities		(184,145,445,360)	(26,479,200,164)
	III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
32	2. Fund returned to equity owners, issued stock		-	-
33	3. Long-term and short-term borrowings received		49,900,000,000	-
34	4. Loan repayment		(30,000,000,000)	(30,000,000,000)
35	5. Finance lease principle paid		-	-
36	6. Dividends, profit paid to equity owners		(73,520,165,188)	(72,960,537,400)

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Consolidate Financial statements

Quarter 2 of 2025

STATEMENT OF CASH FLOWS

Quarter 2 of 2025
(Under indirect method)

Co de	ITEM	Note	30 June 2025	30 June 2024
			VND	VND
40	Net cash flows from financing activities		(53.620.165.188)	(102.960.537.400)
50	Net decrease/increase in cash and cash equivalents		(29.284.949.196)	(12.908.562.587)
60	Cash and cash equivalents at beginning of the year		94.333.448.278	128.305.931.825
61	Impact of foreign exchange fluctuation		-	
70	Cash and cash equivalents at end of year		<u>65.048.499.082</u>	<u>115.397.369.238</u>


 Nguyen Trung Hieu
 Preparer


 Le Hong Minh
 Chief Accountant


 Nguyen Van Quyen
 General Director

Lao Cai, 28 July 2025



NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS*Quarter 2 of 2025***1 . BACKGROUND****1.1 . Forms of Ownership**

Thac Ba Hydropower Joint Stock Company ("the Company") is a joint stock company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Business Registration Certificate No. 5200240495 issued by the Yen Bai Department of Planning and Investment on 31 March 2006. The Company subsequently received amended Enterprise Registration Certificates, with 8th amendment dated 1 June 2023 as the latest.

The Company's head office (including its headquarter and an independently accounting branch, the Technical Services Center) is located at Residential Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam.

Company's Legal capital: VND 635,000,000,000. Equivalent to 63,500,000 shares with the price of VND 10,000 per share.

1.2 . Business field

The company's business field is electric energy

1.3 . Business industry

The Company's business activities include:

- Production and trading of electricity;
- Management, operation, repair, maintenance, overhaul, renovation of hydraulic works, architectural works, equipment of hydroelectric plants and transformer stations, testing and adjustment of electrical equipment ;
- Buying, selling, importing and exporting materials and equipment;
- Consulting on construction investment projects, construction investment management, consulting on construction and installation supervision of electrical projects;
- Investing in power source and grid projects;
- Fostering and training on management, operation, maintenance and repair of power plant equipment;
- Trading in transportation and tourism services.

1.4 . Normal production and business cycle

The company's normal production and business cycle is 12 months starting on January 1 and ending on December 31 every year.

1.5 . Operations of the company in the fiscal year affecting the financial statements

The Company has an independent accounting branch, the Technical Service Center, and the Company directly owns a subsidiary and an affiliated company with specific information as follows:

- Branch of Thac Ba Hydropower Joint Stock Company - Technical Service Center
Address: Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
- Muong Hum Hydropower Joint Stock Company (subsidiary)
Address: Hamlet Ban Xeo, Ban Xeo Commune, Lao Cai Province, Vietnam
- Thac Ba 2 Investment Hydropower Joint Stock Company (affiliated company)
Address: Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam

2 . ACCOUNTING SYSTEM AND ACCOUNTING POLICY**2.1 . Accounting period and accounting monetary unit**

Annual accounting period commences from 1st January and ends as at 31st December.

The Company maintains its accounting records in VND.

2.2 . Accounting standards and system

The consolidated financial statements of the Company and its subsidiary expressed in Vietnam dong ("VND"), are prepared in accordance with Vietnamese Enterprise Accounting System and Vietnamese Accounting Standards issued by the Ministry of Finance as per:

- Decision No. 149/2001/QD-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 1);
- Decision No. 165/2002/QD-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 2);
- Decision No. 234/2003/QD-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 3);
- Decision No. 12/2005/QD-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 4); and
- Decision No. 100/2005/QD-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 5).

Accordingly, the accompanying consolidated financial statements, including their utilisation are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the financial position and results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

Form of accounting record

The Company is applying accounting record by computer

Applied accounting documentation system

The Company and its subsidiary's applied accounting documentation system is the General Journal.

2.3 . Basis of consolidation

As presented in Note 1, as at 30 June 2025, the Company has an independent accounting branch – Technical Services Center and a subsidiary – Muong Hum Hydropower Joint Stock Company.

The consolidated financial statements comprise the financial statements of the Company (are prepared based on the aggregation of the financial statements of the Company's Head Office and the Branch) and its subsidiary for the year ended 31 December 2024.

The subsidiary is fully consolidated from the date of acquisition, being the date on which the Company and its subsidiary obtains control and continued to be consolidated until the date that such control ceases.

The financial statements of subsidiary is prepared for the same reporting year as the parent company, using consistent accounting policies.

All intra-company balances, income and expenses and unrealised gains or losses result from intra-company transactions are eliminated in full.

Non-controlling interests represent the portion of profit or loss and net assets not held by the Company are presented separately in the consolidated income statement and within equity in the consolidated balance sheet.

Impact of change in the ownership interest of a subsidiary, without a loss of control, is recorded in undistributed earnings.

2.4 . Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash in banks and short-term, highly liquid investments with an original maturity of not more than three months that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value.

2.5 . Principles of accounting for financial investments

Trading securities

Investments held until maturity

Held-to-maturity financial investments include term deposits, bonds, commercial papers and other debt securities.

Loans

Invest in subsidiaries; joint venture and affiliated companies

Investments in subsidiaries over which the Company holds control are presented using the cost method. Profit distributions that the parent company receives from the accumulated profits of its subsidiaries after the date the parent company takes control are recorded in the parent company's operating results for the period. Other distributions are considered returns of investments and are subtracted from the investment value.

Investments in associates in which the Company has significant influence are presented using the cost method. Profit distributions from accumulated net profits of affiliated companies after the investment date are allocated to the Company's business results for the period. Other distributions are considered returns of investments and are subtracted from the investment value.

Investments in joint ventures are accounted for using the cost method. Joint venture capital contributions are not adjusted for changes in the company's share of the joint venture's net assets. The Company's Business Performance Report reflects the income divided from the accumulated net profit of the Joint Venture Company arising after contributing capital to the joint venture.

Invest in equity instruments of other entities

Accounting methods for other transactions related to financial investments

2.6 . Receivables

Receivables are presented in the consolidated financial statements at the carrying amounts due from customers and other debtors, after provision for doubtful debts.

The provision for doubtful debts represents amounts of outstanding receivables at the consolidated balance sheet date which are doubtful of being recovered. Increases or decreases to the provision balance are recorded as general and administrative expenses in the consolidated income statement. When bad debts are determined as unrecoverable and accountant writes off those bad debts, the differences between the provision for doubtful receivables previously made and historical cost of receivables are included in the consolidated income statement.

2.7 . Inventories

Inventories are measured at their historical costs. The cost of inventories comprises costs of purchase, costs of conversion (including raw materials, direct labour cost, other directly related cost, manufacturing general overheads allocated based on the normal operating capacity) incurred in bringing the inventories to their present location and condition.

In case the net realizable value is lower than the original price, it must be calculated according to the net realizable value.

Net realisable value ("NRV") represents the estimated selling price in the ordinary course of business less the estimated costs to complete and the estimated costs necessary to make the sale.

The Company and its subsidiary's perpetual method is used to record inventories, which are valued as follows:

Raw materials, tools - cost of purchase on a weighted average basis

Work-in progress - cost of raw materials and direct labor plus related manufacturing overhead costs

Provision for obsolete inventories

An inventory provision is created for the estimated loss arising due to the impairment of value (through diminution, damage, obsolescence, etc.) of raw materials, finished goods, and other inventories owned by the Company and its subsidiary, based on appropriate evidence of impairment available at the consolidated balance sheet date.

Increases or decreases to the provision balance are recorded into the cost of goods sold account in the consolidated income statement. When inventories are expired, obsolescence, damage or become useless, the difference between the provision previously made and the historical cost of inventories are included in the consolidated income statement.

2.8 . Fixed assets and depreciation of fixed assets

Finance leased fixed assets are recorded at cost according to fair value or the present value of the minimum lease payment (excluding VAT) and initial direct costs incurred in connection with the lease. fixed assets under financial lease. During use, finance leased fixed assets are recorded at cost, accumulated depreciation and residual value.

Fixed assets (tangible and intangible) are stated at the historical cost. During the using time, fixed assets (tangible and intangible) are recorded at cost, accumulated depreciation and net book value.

Depreciation of tangible fixed assets and amortisation of intangible fixed assets are calculated on a straight-line

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Consolidate Financial statements

Quarter 2 of 2025

- Buildings and structures	10 - 50 years
- Machinery and equipment	05 - 20 years
- Means of transportation	09 - 15 years
- Office equipment	03 - 10 years
- Other fixed assets	10 years
- Land use rights	50 years

2.9 . Business combinations and goodwill

Business combinations are accounted for using the purchase method. The cost of a business combination is measured as the fair value of assets given, equity instruments issued and liabilities incurred or assumed at the date of exchange plus any costs directly attributable to the business combination. Identifiable assets and liabilities and contingent liabilities assumed in a business combination are measured initially at fair values at the date of business combination.

Goodwill acquired in a business combination is initially measured at cost being the excess of the cost the business combination over the Group's interest in the net fair value of the acquiree's identifiable assets, liabilities and contingent liabilities. If the cost of a business combination is less than the fair value of the net assets of the subsidiary acquired, the difference is recognised directly in the consolidated income statement. After initial recognition, goodwill is measured at cost less any accumulated amortisation. Goodwill is amortised over 10-year period on a straight-line basis. The parent company conducts the periodical review for impairment of goodwill of investment in subsidiaries. If there are indicators of impairment loss incurred is higher than the yearly allocated amount of goodwill on the straight-line basis, the higher amount will be recorded in the consolidated income statement.

2.10 . Prepaid expenses

Prepaid expenses are reported as short-term or long-term prepaid expenses on the consolidated balance sheet and amortised over the period for which the amounts are paid or the period in which economic benefits are generated in relation to these expenses.

2.11 . Investments*Investments in associates*

The Group's investment in its associate is accounted for using the equity method of accounting. An associate is an entity in which the Group has significant influence that is neither subsidiaries nor joint ventures. The Group generally deems they have significant influence if they have over 20% of the voting rights.

Under the equity method, the investment is carried in the consolidated balance sheet at cost plus post acquisition changes in the Group's share of net assets of the associates. Goodwill arising on acquisition of the associate is included in the carrying amount of the investment. Goodwill is not amortised and subject to annual review for impairment.

The share of post-acquisition profit/(loss) of the associate is presented on face of the consolidated income statement and its share of post-acquisition movements in reserves is recognised in reserves. The cumulative post-acquisition movements are adjusted against the carrying amount of the investment. Dividend/profit sharing received or receivable from associates reduces the carrying amount of the investment.

The financial statements of the associates are prepared for the same reporting period and use the same accounting policies as the Company and its subsidiary. Where necessary, adjustments are made to bring the accounting policies in line with those of the Company and its subsidiary.

Held-for-trading security and investments in other entities

Held-for-trading security and investments in other entities are stated at their acquisition costs.

Provision for diminution in value of investments

Provision of the investment is made when there are reliable evidences of the diminution in value of those investments at the balance sheet date. Increases or decreases to the provision balance are recorded as finance expenses in the consolidated income statement.

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments are stated at their acquisition costs. After initial recognition, held-to-maturity investments are measured at recoverable amount. Any impairment loss incurred is recognised as finance expenses in the consolidated income statements and deducted against the value of such investments.

2.12 . Revenue recognition

Revenue is recognised to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Company and its subsidiary and the revenue can be reliably measured. Revenue is measured at the fair value of the consideration received or receivable, excluding trade discount, rebate and sales return. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is recognised:

Sale of electricity power

Electricity revenue is determined based on the power purchase agreement signed by the Company and its subsidiary with Vietnam Electricity ("EVN") and the related contract appendices (including payments related to water resource tax, forest environment service fees, and water resource exploitation rights fees).

Rendering of services

Where the contract outcome can be reliably measured, revenue is recognised by reference to the stage of completion. Stage of completion is measured based on the amount of services rendered and then confirmed by the client.

Where the contract outcome cannot be reliably measured, revenue is recognised only to the extent of the expenses recognised which are recoverable.

Sale of goods

Revenue is recognised when the significant risks and rewards of ownership of the goods have passed to the buyer, usually upon the delivery of the goods.

Interest

Revenue is recognised as the interest accrues (taking into account the effective yield on the asset) unless collectability is in doubt.

Dividends

Income is recognised when the Company and subsidiary's entitlement as an investor to receive the dividend is established.

2.13 . Appropriation of net profits

Net profit after tax is available for appropriation to shareholders after approval by the appropriate level of authority/in the annual general meeting, and after making appropriation to reserve funds in accordance with the Company and its subsidiary's Charter and Vietnam's regulatory requirements.

The Company and its subsidiary maintains the following reserve funds which are appropriated from the Company and its subsidiary's net profit as proposed by the Board of Directors and subject to approval by shareholders at the annual general meeting.

Investment and development fund

This fund is set aside for use in the Company's expansion of its operation or of in-depth investment.

Bonus and welfare fund

This fund is set aside for the purpose of pecuniary rewarding and encouraging, common benefits and improvement of the employees' benefits, and presented as a liability on the consolidated balance sheet.

2.14 . Taxation*Current income tax*

Current income tax assets and liabilities for the current and prior years are measured at the amount expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted as at the consolidated balance sheet date.

Current income tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the current income tax is also dealt with in equity.

Current income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Company and its subsidiary to set off current tax assets against current tax liabilities and when the Company and its subsidiary intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

Deferred tax

Deferred tax is provided using the liability method on temporary differences at the consolidated balance sheet date between the tax base of assets and liabilities and their carrying amount for financial reporting purposes.

Deferred tax liabilities are recognised for all taxable temporary differences, except:

- Where the deferred tax liability arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the related transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss; and
- In respect of taxable temporarily differences associated with investments in subsidiaries and associates, and interests in joint ventures where timing of the reversal of the temporary difference can be controlled and it is probable that the temporary difference will not reverse in the foreseeable future.

Deferred tax assets are recognised for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilised, except:

- Where the deferred tax asset in respect of deductible temporary difference which arises from the initial recognition of an asset or liability which at the time of the related transaction, affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss; and
- In respect of deductible temporarily differences associated with investments in subsidiaries, associates, and interests in joint ventures, deferred tax assets are recognised only to the extent that it is probable that the temporary differences will reverse in the foreseeable future and taxable profit will be available against which the temporary differences can be utilised.

The carrying amount of deferred tax assets is reviewed at each balance sheet date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow all or part of the deferred tax asset to be utilised. Previously unrecognised deferred tax assets are re-assessed at each balance sheet date and are recognised to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred tax assets to be recovered.

Deferred tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the period when the asset is realised or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the balance sheet date.

Deferred tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items recognised directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Company and its subsidiary to off-set current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority on:

- Either the same taxable entity; or
- When the Company and its subsidiary intends either settle current tax liabilities and assets on a net basis or to realise the assets and settle the liabilities simultaneously, in each future period in which significant amounts of deferred tax liabilities or assets are expected to be settled or recovered.

2.15 . Segment information

The Company and its subsidiary's principal activities are electricity production and trading, with revenue accounting for 98% of total revenue from sales of goods and rendering of services. In addition, these activities are mainly taking place within Vietnam. Therefore, the Company and its subsidiary's risks and returns are not impacted by the Company and its subsidiary's products that the Company and its subsidiary is manufacturing or the locations where the Company and its subsidiary is trading. As a result, the Company and its subsidiary's management is of the view that there is only one segment for business and geography and therefore presentation of segmental information is not required.

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Consolidate Financial statements

Quarter 2 of 2025

2.16 . Related parties

Parties are considered to be related parties of the Company and its subsidiary if one party has the ability to, directly or indirectly, control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or when the Company and its subsidiary and other party are under common control or under common significant influence. Related parties can be enterprises or individuals, including close members of their families.

3 . BUSINESS COMBINATION

Muong Hum Hydropower Joint Stock Company is a joint stock company established under Business Registration Certificate No. 5300526931 issued by the Department of Planning and Investment of Lao Cai province on June 17, 2011 and other Certificates of Registration. The business registration certificate was subsequently amended, with the most recent amendment being the 7th revision on September 28, 2020. This company is headquartered in Ban Xeo village, Ban Xeo commune, Lao Cai province, Vietnam. The main activity of this company during the year is producing and trading electricity.

The Company purchased Muong Hum Hydropower Joint Stock Company with the purpose of developing the Company's electricity production and trading segment.

4 . CASH AND CASH EQUIVALENTS

	30 June 2025	01 January 2025
	VND	VND
Cash on hand	249.997.751	164.676.674
Cash at banks	23.098.501.331	21.618.771.604
Cash equivalents	41.700.000.000	72.550.000.000
	65.048.499.082	94.333.448.278

(*) Cash equivalents as at 30/06/2025 includes deposit in VND at commercial banks, with term of less than 3 months and earn interest at the rate ranging from 0,5% to 4,3% per annum

5 . SHORT-TERM AND LONG TERM INVESTMENTS

a	30 June 2025		01 January 2025	
Held-to-maturity investments	Cost	Carrying value	Cost	Carrying value
Short term				
- Term deposits (*)	-	-	8.300.000.000	8.300.000.000
- Others	-	-	-	-
	-	-	8.300.000.000	8.300.000.000

b	30/06/2025		01/01/2025	
Held-for-trading securities	Cost	Fair value	Cost	Fair value
Shares of Hai Phong				
- Thermal Power Joint Stock Company	13.694.543.500	14.862.100.000	13.694.543.500	16.247.550.000

The shares of this company are traded on the UPCOM market with a closing trading price on the last trading day in 30 June 2025 of 11.800 VND per share

c	30 June 2025		01 January 2025	
Investment in other entities	Cost	Fair value	Cost	Fair value
Thai An Hydropower Joint				
- Stock Company (***)	48.550.000.000	-	48.550.000.000	-
Hai Phong Thermal Power				
- Joint Stock Company (****)	11.960.300.000	12.980.000.000	11.960.300.000	14.190.000.000
	60.510.300.000	12.980.000.000	60.510.300.000	14.190.000.000

(***) As at 30 June 2025, the Company holds 5% of the voting rights, corresponding to 200,000 shares of Thai An Hydropower Joint Stock Company. The Company is unable to determine the fair value of this investment as the shares of this company are not listed on the stock market.

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Consolidate Financial statements

Quarter 2 of 2025

(****) As at 30 June 2025, the Company holds 1,100,000 shares in Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company for long-term investment purposes. The shares of this company are traded on the UPCOM market with a closing trading price on the last trading day in June 2025 of 11.800 VND per share (December 2024: 12.900 VND per share).

d Investments in associates

Currency: VND

Thac Ba 2 Investment Hydropower Joint Stock Company**Cost of investment:**

As at 01/01/2025	103.861.380.000
------------------	-----------------

Increase

As at 30/06/2025	103.861.380.000
------------------	-----------------

Accumulated share in post acquisition loss of the associate:

As at 01/01/2025	(3.965.979.310)
------------------	-----------------

Share in post-acquisition loss of the associates	5.159.911.597
--	---------------

As at 30/06/2025	1.193.932.287
------------------	---------------

Net carrying amount:

As at 01/01/2025	99.895.400.690
------------------	----------------

As at 30/06/2025	105.055.312.287
------------------	-----------------

5 OTHER SHORT- TERM RECEIVABLES**a Short term**

	30 June 2025		01 January 2025	
	Cost	Preventive	Cost	Preventive
Receivables from dividends and profit	-	-	707.850.000	-
Receivables from deposit interest	72.603.836	-	216.372.820	-
Receivables from employees	118.845.893	-	153.732.413	-
Deposit	-	-	510.000.000	-
Others	4.129.058.773	-	2.949.118.290	-
	<u>4.320.508.502</u>		<u>4.537.073.523</u>	

b Long term

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Consolidate Financial statements

Quarter 2 of 2025

6 . INVENTORIES

	30 June 2025		01 January 2025	
	Cost	Preventive	Cost	Preventive
Raw material	6.623.733.063		4.693.646.390	
Tools, supplies	484.558.354		446.507.608	
			200.324.770	
Work in process	1.704.942.769			
	8.813.234.186		5.340.478.768	

7 . TAX AND RECEIVABLES FROM STATE BUDGET

	30 June 2025	01 January 2025
	VND	VND
Personal income tax	655.647.289	63.480.565
Value added tax	-	-
Natural resource tax	-	-
Business income	-	-
Other taxes	-	-
	655.647.289	63.480.565

8 . TANGIBLE FIXED ASSETS

2002
 CÔNG
 CỐ
 CHỦ
 THÁ
 C B

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Consolidate Financial statements
Quarter 2 of 2025

8 . TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings	Machinery, equipment	Transportation equipment	Management equipment	Others	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Original cost						
As at 01 January 2025	1.354.144.566.166	1.208.127.047.961	34.508.424.663	10.312.598.690	950.553.500	2.608.043.190.980
Purchase	162.838.884	2.558.716.763	3.725.100.000	45.172.727	-	6.491.828.374
Finished construction investment	-	112.481.650.302	-	-	-	112.481.650.302
Increase due to purchase of subsidiary	-	-	-	-	-	-
Transferring into investment properties	-	-	-	-	-	-
Liquidating, disposed	-	-	-	-	-	-
Others	-	-	-	-	-	-
As at 30 June 2025	1.354.307.405.050	1.323.167.415.026	38.233.524.663	10.357.771.417	950.553.500	2.727.016.669.656
Accumulated depreciation						
As at 01 January 2025	700.479.690.764	1.060.730.382.109	21.117.822.819	6.727.939.821	944.978.799	1.790.000.814.312
Depreciation	20.300.064.728	13.079.342.718	1.124.745.267	339.145.907	2.610.936	34.845.909.556
Others	13.988.328	-	-	-	-	13.988.328
Increase due to purchase of subsidiary	-	-	-	-	-	-
Liquidating, disposed	-	-	-	-	-	-
Others	-	-	-	-	-	-
As at 30 June 2025	720.793.743.820	1.073.809.724.827	22.242.568.086	7.067.085.728	947.589.735	1.824.860.712.196
Net carrying amount						
As at 01 January 2025	653.664.875.402	147.396.665.852	13.390.601.844	3.584.658.869	5.574.701	818.042.376.668
As at 30 June 2025	633.513.661.230	249.357.690.199	15.990.956.577	3.290.685.689	2.963.765	902.155.957.460

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Consolidate Financial statements

Quarter 2 of 2025

9 . INTANGIBLE FIXED ASSETS

	Land use rights VND	Other intangible fixed assets VND	Total VND
Cost			
As at 01 January 2025	20.558.322.400	2.634.059.458	23.192.381.858
Purchase	-	-	-
Liquidating, disposed	-	-	-
As at 30/06/2025	20.558.322.400	2.634.059.458	23.192.381.858
Accumulated depreciation			
As at 01 January 2025	5.982.954.190	1.553.847.613	7.536.801.803
Depreciation	205.576.608	177.444.990	383.021.598
Increase due to purchase of subsidiary	-	-	-
As at 30/06/2025	6.188.530.798	1.731.292.603	7.919.823.401
Net carrying amount			
As at 01 January 2025	14.986.521.426	1.516.726.808	16.503.248.234
As at 30/06/2025	14.369.791.602	902.766.855	15.272.558.457

10 . CONSTRUCTION IN PROGRESS

Details of ending balance are as follows:

	30 June 2025 VND	01 January 2025 VND
The generating set upgrade project – Thac Ba hydroelectric power plant	97.906.138.812	100.942.336.738
The electrical equipment upgrade project – Thac Ba hydroelectric power plant.	240.741.741	240.741.741
Machinery and equipment have not been installed or tested (belonging to the project of upgrading equipment of the generator set - Thac Ba Hydropower Plant)	97.168.905.880	91.863.810.287
The 110 kV line protection relay system renew project – Thac Ba hydroelectric power plant.	98.000.000	98.000.000
The high pressure air compressor N1, N2 renew project – Thac Ba hydroelectric power plant.	-	2.691.000.000
Downstream landslide treatment project	3.243.140.152	-
Muong Hum expanded	1.847.050.542	1.847.050.542
Others	582.213.153	54.995.000
	201.086.190.280	197.737.934.308

11 . TAX AND STATUTORY OBLIGATIONS

	01 January 2025 VND	Receivable for the year VND	Payment received in the year VND	30 June 2025 VND
Value added tax	593.630.553	9.205.077.120	6.368.895.643	3.429.812.030
Business income tax	3.872.247.245	20.102.603.891	5.663.198.220	18.311.652.916
Water resources exploitation rights fee	415.860.769	6.091.084.731	6.506.945.500	-
Natural resource tax	1.909.372.157	27.970.943.591	22.929.595.296	6.950.720.452
Personal income tax	677.697.719	1.087.942.237	1.765.639.956	-
Other taxes	-	1.249.274.161	1.113.028.603	136.245.558
	7.468.808.443	65.706.925.731	44.347.303.218	28.828.430.956

12 . ACCRUED EXPENSES

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Consolidate Financial statements

Quarter 2 of 2025

a	Short term	30 June 2025	01 January 2025
		VND	VND
	Interest expenses	386.018.920	683.857.110
	Other payable expenses	10.520.536.605	639.233.333
		<u>10.906.555.525</u>	<u>1.323.090.443</u>

c GOODWILL

Currency: VND
Muong Hum Hydropower Joint Stock Company

Cost:	
As at 01 January 2025	163.865.130.597
Increase	-
Accumulated until 30 June 2025	163.865.130.597
Cumulative allocation:	
As at 01 January 2025	84.663.650.810
Allocation	8.193.256.530
Accumulated until 30 June 2025	92.856.907.340
Net carrying amount	
As at 01 January 2025	79.201.479.787
Accumulated until 30 June 2025	71.008.223.257

13 . OTHER PAYABLES

a	Short term	30 June 2025	01 January 2025
		VND	VND
	Dividend for shareholders payables	25.873.385.574	47.669.670.649
	Forest protection fee	5.935.058.424	4.726.927.332
	Others	2.016.161.092	456.215.834
		<u>33.824.605.090</u>	<u>52.852.813.815</u>

14 LOANS

	As at 01 January 2025	Derived expenses		30 June 2025
	Value	Increase	Decrease	Value
Short term loans	VND	VND	VND	VND
Long-term bank loan is due for repayment	45.420.833.333	7.079.166.667	15.000.000.000	37.500.000.000
Long term loans				
Long-term bank loans	9.679.166.667	49.900.000.000	7.079.166.667	52.500.000.000
Bank	30 June 2025	Principal and interest repayment term	Interest rate	Description of collateral
Shinhanbank				
SHBVN/CM C/212022/HD TD/MHP	15.000.000.000	The Principal and interest are paid quarterly, the final loan matures on 10 August 2025	6,38%	Factory buildings and other assets
SHBVN/CM C/032023/HD TD/THACBA-MAC	75.000.000.000	The Principal and interest are paid quarterly, the final loan matures on 6 September 2031	6,18%	Certificate of land use rights and machinery, equipment formed from the project
Total	90.000.000.000			

15 . OWNER'S EQUITY
a) Increase and decrease in owner's equity

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Consolidate Financial statements

Quarter 2 of 2025

15 . OWNER'S EQUITY
a) Increase and decrease in owner's equity

	Share capital	Other owner's equity	Investment and development funds	Non-controlling shareholder interests	Undistributed earnings	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
As at 01/01/2025	635.000.000.000	-	302.057.614.951	288.772.616.038	139.007.922.509	1.364.838.153.498
Increase in capital	-	-	-	-	-	-
Profit of the year	-	-	-	-	-	-
Profit increased during the period	-	-	-	32.416.908.352	89.615.821.909	122.032.730.261
Buy treasury shares	-	-	-	-	-	-
Increase due to purchase of subs	-	-	-	-	-	-
Decrease in capital	-	-	-	-	-	-
Appropriation to funds	-	-	-	(220.765.190)	(4.829.234.810)	(5.050.000.000)
Dividends	-	-	-	(19.946.184.000)	(31.750.000.000)	(51.696.184.000)
Use of funds	-	-	-	-	-	-
Other adjustments (*)	-	-	-	-	-	-
As at 30/06/2025	635.000.000.000,00	-	302.057.614.951,00	301.022.575.200	192.044.509.608	1.430.124.699.759

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Consolidate Financial statements

Quarter 2 of 2025

b) Funds

	30 June 2025	01 January 2025
Development consulting investment fund	302.057.614.951	302.057.614.951
	<u>302.057.614.951</u>	<u>302.057.614.951</u>

16 TOTAL REVENUE FROM SALE OF GOODS AND RENDERING OF SERVICES

	Quarter 2 of 2025	Accumulated until 30 June 2025
	VND	VND
Electricity revenue	152.801.884.851	252.330.465.453
Rendering of services	2.247.457.961	4.387.080.583
	<u>155.049.342.812</u>	<u>256.717.546.036</u>

17 COSTS OF GOODS SOLD

	Quarter 2 of 2025	Accumulated until 30 June 2025
	VND	VND
Costs of finished goods	52.218.967.554	92.188.927.793
Costs of services rendered	1.356.059.689	1.869.632.543
	<u>53.575.027.243</u>	<u>94.058.560.336</u>

18 FINANCIAL INCOME

	Quarter 2 of 2025	Accumulated until 30 June 2025
	VND	VND
Interest income, interest from loans	1.221.876.207	2.092.534.224
Others	554.320.873	964.951.590
Dividends, profits earned	-	-
	<u>1.776.197.080</u>	<u>3.057.485.814</u>

19 FINANCIAL EXPENSES

	Quarter 2 of 2025	Accumulated until 30 June 2025
	VND	VND
Interest expenses	338.227.397	899.868.493
Others	2.346.796.013	2.348.048.908
	<u>2.685.023.410</u>	<u>3.247.917.401</u>

20 PRODUCTION AND OPERATING COSTS

	Quarter 2 of 2025	Accumulated until 30 June 2025
	VND	VND
Raw materials	737.327.805	1.159.828.462
Labour costs	11.258.148.873	24.019.193.464
Depreciation and amortization costs	18.121.975.165	43.422.187.684
Expenses for external services	2.351.126.824	6.254.953.580
Other expenses	35.670.816.316	47.384.817.164
	<u>68.139.394.983</u>	<u>122.240.980.354</u>

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Consolidate Financial statements

Quarter 2 of 2025

21 . GENERAL ADMINISTRATIVE EXPENSES

	Quarter 2 of 2025	Accumulated until 30 June 2025
	VND	VND
Raw materials	487.175.510	749.070.198
Labour costs	4.150.260.170	8.308.122.590
Fixed asset depreciation expense	460.610.874	858.326.525
Expenses for external services	1.406.644.789	3.028.490.861
Others	6.555.058.398	13.733.791.845
	13.059.749.741	26.677.802.019

22 . CORPORATE INCOME TAX

	Quarter 2 of 2025	Accumulated until 30 June 2025
	VND	VND
- Current tax expense	13.255.203.866	20.102.603.891
- Deferred tax expense	22.161.738	44.323.476
- Total	13.277.365.604	20.146.927.367

(i) The following are the deferred tax assets and deferred tax liabilities recognised by the Company and its subsidiary, and the movements thereon, during the current and previous years:

	balance sheet	income statement		
	30 June 2025	01/01/2025	30/06/2025	30/06/2024
Deferred tax assets				
Unrealized profit from intercompany transactions	929.839.800	974.163.276	44.323.476	45.276.669

24 . TRANSACTION AND BALANCES WITH RELATED PARTIES

Significant transactions between the Company and its related parties in the current year and previous year include:

Related parties	Transactions	Relationship	Quarter 2 of 2025	Quarter 2 of 2024
The Electric Power Trading Company - Vietnam Electricity	Electricity sale	Parent company of the major shareholder	85.949.357.431	29.308.104.469
R.E.E Energy Company Limited	Dividend declared	Parent company	39.128.688.000	38.365.168.000
	Dividend paid		29.155.636.000	9.474.399.400
Power Generation Joint Stock Corporation 3	Dividend declared	Major shareholder	9.525.000.000	19.050.000.000
	Dividend paid		9.525.000.000	-
Thac Ba 2 Investment Hydropower Joint Stock Company	Revenue from rendering services	Associate	1.428.560.727	13.553.900.185
	Financial revenue		1.303.761.973	
	Others		1.335.504.156	60.000.000
	A Loan		35.000.000.000	-
Indochina Electrical Development Joint Stock Company	Revenue from rendering services	Affiliate	625.354.707	427.694.027

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Consolidate Financial statements

Quarter 2 of 2025

Northern Power Corporation Contact Center – Vietnam Electricity	Electricity sale	Same parent company as the major shareholder	66.852.527.420	53.661.871.088
---	------------------	--	----------------	----------------

Amounts due to and due from related parties at the balance sheet dates were as follows:

	Relationship	30 June 2025 VND	01 January 2025 VND
Trade receivables		108.221.181.410	82.920.605.027
The Electric Power Trading Company - Vietnam Electricity	Parent company of the major shareholder	64.753.307.045	66.080.163.702
Indochina Electrical Development Joint Stock Company	Affiliate	495.383.083	-
Northern Power Corporation Contact Center – Vietnam Electricity	Same parent company as the major shareholder	33.137.014.473	16.840.441.325
Thac Ba 2 Investment Hydropower Joint Stock Company	Associate	9.835.476.809	15.479.964.779
Other payables		25.680.608.900	44.415.140.900
R.E.E Energy Company Limited	Parent company	25.680.608.900	34.890.140.900
Power Generation Joint Stock Corporation 3	Major shareholder	-	9.525.000.000
Short-term advance to suppliers			
Thac Ba 2 Investment Hydropower Joint Stock Company	Associate	-	283.090.950
Other receivables			
Indochina Electrical Development Joint Stock Company	Affiliate	-	-
Thac Ba 2 Investment Hydropower Joint Stock Company	Associate	1.885.257.116	380.997.639
Loan receivables		65.000.000.000	10.000.000.000
Indochina Electrical Development Joint Stock Company	Affiliate	-	-
Thac Ba 2 Investment Hydropower Joint Stock Company	Associate	65.000.000.000	10.000.000.000
<i>In there:</i>			
- Short-term loans		3.000.000.000	-
- Long-term loans		62.000.000.000	-

25 . OTHER INFORMATION

Explanation of profit after tax fluctuations in Quarter 2 of 2025 with Quarter 2 of 2024
Profit after corporate income tax in quarter 2 of 2025 reached 82.028.227.683 VND
Profit after corporate income tax in quarter 2 of 2024 reached 30.207.698.611 VND

Consolidated Profit After Corporate Income Tax (CIT) for Q2 2025 saw a substantial increase of VND 51,820,529,072 (up 172%) compared to Q2 2024. This significant improvement is attributable to the following factors:

1. Profit After Corporate Income Tax (CIT) from the Company's Separate Financial Statements for Q2 2025 surged by VND 50,432,569,243 (up 422%) compared to Q2 2024, primarily due to:

Total Revenue in Q2 2025 increased by VND 40,174,453,667 (up 55%) year-over-year, driven by:

(i) Revenue from Power Generation Activities rose by VND 56,641,252,962 (up 193%) compared to Q2 2024. This was primarily a result of a 45.8 million kWh increase in commercial electricity output in Q2 2025 (118.8 million kWh) compared to Q2 2024 (73 million kWh), alongside an increase in the average electricity selling price to VND 724/kWh in Q2 2025, up VND 322/kWh from VND 402/kWh in Q2 2024.

((ii) Revenue from Technical Service Activities declined by VND 25,683,102,329 (down 89%) year-over-year. This decrease is attributed to the significantly lower value of technical service contracts recognized in Q2 2025 compared to the same period in 2024.

(iii) Financial Activities Revenue increased by VND 7,885,778,878 (up 52%) compared to Q2 2024. This growth was mainly due to dividend income of VND 20.7 billion (MHP dividends at 8% of charter capital) recognized in Q2 2025, which was VND 10.9 billion higher than the VND 9.83 billion in dividend income (MHP dividends at 3.85% of charter capital) recorded in Q2 2024. Interest income from deposits and loans in Q2 2025 (VND 1.8 billion) saw a decrease of VND 232 million compared to Q2 2024 (VND 2.1 billion) due to a reduction in both outstanding loan principal and deposit balances. Revenue from TBC2 guarantee fees in Q2 2025 (VND 554 million) increased by VND 230 million compared to Q2 2024 (VND 324 million). Notably, there was no revenue from the divestment of HND shares in Q2 2025, whereas Q2 2024 recorded VND 2.98 billion from such activities

(iv) Other Revenue for Q2 2025 increased by VND 1,330,524,156 (up 683%) year-over-year, primarily due to VND 1.28 billion in contractual compensation arising in Q2 2025, which was not present in the comparative period of Q2 2024.

- Total Expenses in Q2 2025 decreased by VND 19,885,999,210 (down 33%) compared to Q2 2024. This was mainly driven by a VND 22.2 billion reduction in the cost of goods sold (COGS) for service activities in Q2 2025 compared to Q2 2024, as fewer service contracts were recognized. Conversely, natural resource tax and forest environmental service fees in Q2 2025 increased compared to Q2 2024 due to the aforementioned increase in power output (45.8 million kWh)

2. Impact of Subsidiary's Performance on Consolidated Q2 Profit After Tax

Consolidated Profit After Tax (PAT) for Q2 2025 compared to Q2 2024 was further impacted by the revenues, expenses, Corporate Income Tax (CIT), and Profit After CIT of the subsidiary within the Group, as follows:

- Total Revenue of the subsidiary in Q2 2025 increased by VND 13.6 billion (up 25.5%) compared to the same period in 2024. This increase was primarily due to favorable hydrological conditions in Q2 2025 compared to Q2 2024. Accordingly, electricity revenue in Q2 2025 rose by VND 13.1 billion (up 25%) year-over-year. Financial revenue also increased by VND 150 million, as higher average monthly working capital in Q2 2025 compared to Q2 2024 led to an increase in term deposit interest income during the period.

- Total Expenses of the subsidiary in Q2 2025 increased by VND 1 billion (up 4.9%) compared to the same period in 2024. This was driven by the higher electricity output, which resulted in increased natural resource tax and forest environmental service fees.

- Corporate Income Tax (CIT) Expense of the subsidiary in Q2 2025 increased by VND 721.2 million compared to Q2 2024. The rise in CIT expense is directly attributable to the increase in Profit Before Corporate Income Tax (PBT) in Q2 2025 compared to Q2 2024

- Profit After Tax (PAT) for Q2 2025 increased by VND 11.9 billion (up 38%) compared to the same period in 2024, reflecting the fluctuations in revenue, expenses, and CIT as explained above.

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Consolidate Financial statements

Quarter 2 of 2025



Nguyen Trung Hieu
Preparer



Le Hong Minh
Chief Accountant



Nguyen Van Quyen
General Director

Lao Cai, 28 July 2025

